

**PHỤ LỤC 03a**  
**BÁO CÁO TÌNH HÌNH DỰ TOÁN THU - CHI NGÂN SÁCH 2023**  
**(Số liệu cập nhật đến ngày 19.9.2023)**

1. Về chi ngân sách trong nước:

*Đơn vị tính: Triệu đồng*

TT	Nguồn kinh phí	Dự toán được giao	Kinh phí rút tại Kho bạc	Tỷ lệ đạt được (%)
	<b>Tổng cộng</b>	2.101.490	1.024.072	49%
1	Quản lý hành chính	226.150	118.511	52%
2	Sự nghiệp Khoa học CN	225.820	119.431	53%
3	Sự nghiệp Đào tạo	60.540	46.119	76%
4	Sự nghiệp Y tế	4.330	2.778	64%
5	Các HĐ kinh tế	1.047.850	538.280	51%
6	Sự nghiệp BV Môi trường	531.300	197.870	37%
7	Sự nghiệp VH-TT	5.500	1.082	20%
8	Nguồn QHTC nước ngoài	2.101.490	1.024.072	49%

2. Về chi nguồn vốn nước ngoài:

*Đơn vị tính: Triệu đồng*

TT	Nguồn kinh phí	Dự toán được giao	Kinh phí rút tại Kho bạc	Tỷ lệ đạt được (%)
	<b>Tổng cộng</b>	<b>351.550</b>	<b>35.386</b>	<b>10.1%</b>
1	Các hoạt động kinh tế	113.900	20.321	17.8%
2	Sự nghiệp Bảo vệ Môi trường	237.650	15.065	6.3%

### 3. Về thu ngân sách:

Đơn vị tính: triệu đồng

STT	Nội dung thu	Đơn vị thực hiện	Dự toán được giao	Lũy kế	Đạt tỷ lệ
<b>I</b>	<b>Số thu phí, lệ phí:</b>		<b>51.787</b>	<b>9.339</b>	<b>18%</b>
1	Lệ phí cấp phép giấy phép hoạt động khoáng sản	Cục Khoáng sản Việt Nam	1.200	504	42%
2	Lệ phí cấp phép nhận chìm ở biển	Cục Biển và Hải đảo	100	125	125%
2	Phí thẩm định đánh giá TLKS	Văn phòng HĐ ĐG TLKS	1.500	424	28%
3	Phí thẩm định, cấp phép thăm dò TNN, khai thác, sử dụng TNN, xả thải nước vào nguồn nước và hành nghề khoan nước dưới đất do cơ quan trung ương thẩm định	Cục QL Tài nguyên nước	1.500	910	61%
4	Phí thẩm định báo cáo đánh giá tác động môi trường do cơ quan trung ương thẩm định	Văn phòng Bộ	20.380		0%
5	Phí thẩm định cấp giấy chứng nhận đủ điều kiện hoạt động dịch vụ quan trắc môi trường	Cục Kiểm soát ô nhiễm môi trường	10.000	1.000	10%
6	Phí thẩm định phương án cải tạo, phục hồi môi trường và phương án cải tạo phục hồi môi trường bổ sung do cơ quan trung ương thẩm định	Văn phòng Bộ	150		0%
7	Phí thẩm định cấp, cấp lại, điều chỉnh giấy phép môi trường	Cục Kiểm soát ô nhiễm môi trường	6.500	650	10%
9	Phí thẩm định hồ sơ cấp Giấy chứng nhận an toàn sinh học biến đổi gen	Cục Bảo tồn thiên nhiên và đa dạng sinh học	125		0%
10	Phí khai thác và sử dụng dữ liệu về môi trường	Cục Bảo tồn thiên nhiên và đa dạng sinh học	35		0%

STT	Nội dung thu	Đơn vị thực hiện	Dự toán được giao	Lũy kế	Đạt tỷ lệ
11	Phí khai thác, sử dụng tư liệu đo đạc - bản đồ	Cục Đo đạc, Bản đồ và TT địa lý VN	5.500	4.449	81%
12	Phí thẩm định cấp giấy phép hoạt động đo đạc và bản đồ.		100	76	76%
13	Phí khai thác, sử dụng thông tin, dữ liệu khí tượng thủy văn	Tổng cục KTTV	1.693	915	54%
14	Phí khai thác và sử dụng tài liệu địa chất, khoáng sản	Cục Địa chất Việt Nam	80	86	108%
15	Phí khai thác và sử dụng dữ liệu viễn thám quốc gia	Cục Viễn thám quốc gia	2.800	200	7%
16	Phí khai thác và sử dụng dữ liệu tài nguyên, môi trường biển và hải đảo	Cục Biển và Hải đảo	120		0%
17	Phí thẩm định cấp giấy phép hoặc văn bản chấp thuận cho tổ chức, cá nhân nước ngoài tiến hành nghiên cứu khoa học trong vùng biển Việt Nam	Cục Biển và Hải đảo	4		0%
<b>II</b>	<b>Số thu sự nghiệp khác</b>		<b>1.300</b>	<b>6.965</b>	<b>536%</b>

4. Số đơn vị gửi báo cáo:

- Có 24/32 đơn vị báo cáo số liệu giải ngân, 8/32 đơn vị chưa báo cáo

